

Bản án số: 313 /2026/DS-ST

Ngày: 25/8/2026

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5- VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân : 1. Ông Trịnh Ngọc Hồng

2. Ông Võ Văn Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Đình - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 5- Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Lư Ngọc Thiên An - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 430 /2026/TLST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2026 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 320/2026/QĐST -DS ngày 13 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1959

Địa chỉ: Số 31, ấp M (nay là ấp C), xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Nguyễn Văn D, sinh năm 1976

Địa chỉ: Số A, ấp N, xã L, tỉnh Vĩnh Long

Đào Thị Tuyết D1; sinh năm: 1975

Địa chỉ: Số A, ấp N, xã L, tỉnh Vĩnh Long;

(bà T yêu cầu giải quyết vắng mặt; ông D, bà D1 có mặt)

NỘI DỊ VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T trình bày:

Ông Nguyễn Văn D, bà Đào Thị Tuyết D1 là em trai và em dâu của bà.

Vào ngày 28/7/2017, vợ chồng ông D và bà D1 hỏi vay bà số tiền là 100 triệu đồng, ngày nhận tiền cũng là ngày ông D và bà D1 tự viết giấy nợ và ký tên đưa cho bà giữ 01 bản chính.

Ngày 10/10/2017, thì ông D bà D1 tiếp tục mượn tiền bà số tiền 100 triệu đồng, ngày nhận tiền cũng là ngày ông D và bà D1 tự viết giấy nợ và ký tên đưa cho bà giữ 01 bản chính.

Ngày 26/6/2018 ông D bà D1 tiếp tục mượn tiền bà số tiền 250 triệu đồng, nhận tiền vào ngày 26/6/2018, giấy mượn tiền lần này là do ông Nguyễn Văn Trung là em của bà viết giùm, vợ chồng ông D, bà D1 ký tên, và giao cho bà giữ 01 bản chính.

Ngày 01/12/2018, thì ông D bà D1 tiếp tục vay tiền của bà số tiền là 100 triệu đồng; ngày nhận tiền là ngày ông D bà D1 tự viết giấy nợ và ký tên đưa cho bà giữ 01 bản chính.

Các khoản vay trên phía ông D bà D1 thỏa thuận bằng lời nói với bà là trả lãi cho bà mỗi tháng 1% của số tiền vay, nhưng không ghi thỏa thuận về lãi suất trong giấy vay tiền. Hai bên cũng thỏa thuận bằng lời nói là vay không xác định thời hạn, khi nào cần lấy lại tiền thì bà báo trước cho vợ chồng ông D 02 tháng để ông D trả lại tiền. Tổng cộng bà cho vợ chồng ông D vay là 550 triệu đồng. Vì là chỗ chị em trong gia đình nên hai bên chỉ làm giấy tay vay tiền mà không ra làm hợp đồng vay tiền có công chứng chứng thực. Khi cần tiền xoay trở cuộc sống, bà đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông D trả tiền cho bà nhưng ông D hứa hẹn nhiều lần và chỉ trả cho bà được số tiền là 60 triệu đồng (40 triệu trả vào khoảng năm 2019; còn 20 triệu đồng trả vào ngày 27/7/2025), còn nợ lại 490 triệu đồng tiền gốc đến nay không trả.

Về tiền lãi: sau khi vay tiền của bà thì đối với khoản vay ngày 27/8/2017, vợ chồng ông D có trả cho bà được tiền lãi mỗi tháng là 1 triệu đồng, trả được 03 tháng là 3 triệu đồng thì vay thêm khoản tiếp theo (100 triệu đồng) nên từ tháng 11/2017 thì vợ chồng ông D trả lãi mỗi tháng là 2 triệu đồng, trả lãi đến tháng 5/2018 thì vay thêm tiếp khoản vay 250 triệu, tổng tiền vay vào ngày 26/6/2018 là 450 triệu đồng; ông D trả lãi mỗi tháng là 4,5 triệu đồng từ tháng 6/2018 đến tháng 11/2018. Đến khi ông D, bà D1 vay thêm số tiền 100 triệu đồng vào ngày 01/12/2018 thì tổng số tiền bà cho vay là 550 triệu đồng, ông D trả cho bà 40 triệu nợ gốc; nên ông D mới trả cho bà tiền lãi là 5.100.000 đồng; chưa trả lãi được tháng nào thì dịch Covid 19 bùng phát, nên ttrong suốt thời gian năm 2019, 2020 và 2021 thì phía vợ chồng ông D không trả lãi. Sang giữa năm 2022 thì vợ chồng ông D mới trả cho bà tổng cộng được số tiền lãi là 50 triệu đồng; do bà bớt lãi, và vợ chồng ông D ngưng không đóng lãi cho bà từ tháng 3/2023 cho đến nay.

Nay bà khởi kiện yêu cầu ông D và D1 liên đới trả cho bà số tiền là 490 triệu đồng nợ gốc, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Nguyễn Văn D, bà Đào Thị Tuyết D1 có ý kiến trình bày tại phiên tòa như sau: Ông D là em trai của bà T, bà Tuyết D1 là em dâu bà T. Năm 2017-2018, do cần vốn làm ăn, ông D, và bà D1 có vay tiền bà T tổng cộng 4 lần với số tiền là 550 triệu đồng; Các lần vay tiền hai bên có lập giấy vay tiền; hai bên không ghi thời gian vay, lãi suất. Đến nay, ông D và bà D1 còn nợ bà T số tiền là 490 triệu đồng, do có trả được 60 triệu đồng nợ gốc. Thời gian đầu vay tiền thì ông bà có trả lãi mỗi tháng cho bà D1 mức lãi là 2%/ tháng, tổng số lãi là bao nhiêu thì ông bà không nhớ, cũng không có giấy tờ gì về việc trả lãi. Khoảng 2 năm gần đây do khó khăn nên ông bà không trả lãi cho bà T. Thời gian trước ông bà làm ăn cũng có dư nhưng do bà T chưa yêu cầu trả nợ nên ông bà chưa trả tiền cho bà T. Gần đây bà T cất nhà nên yêu cầu vợ chồng ông bà trả nợ, ông bà chưa xoay trở được tiền và có đề nghị bà T để ông bà bán được tài sản của mình sẽ trả nợ cho bà T nhưng bà T không đồng ý nên mới đi khởi kiện.

Ông bà xác định còn nợ bà T tổng số tiền là 490 triệu đồng; đồng ý trả số tiền trên cho bà T nhưng đề nghị Tòa án xem xét cho trả dần mỗi tháng là 5 triệu đồng cho đến khi trả hết nợ. Ông D, bà D1 không có yêu cầu gì khác trong vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5- Vĩnh Long quan điểm: Căn cứ Điều 68, 70, 71, 72, 91, 92 BLTTDS 2015;

Căn cứ Điều 5, 68, 70, 71, 72, 91, 92, 93, 95 BLTTDS 2015;

Căn cứ các Điều 357, 463, 468, 471 BLDS 2015;

Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14;

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T về việc buộc ông Nguyễn Văn Dũng, bà Đào Thị Tuyết D1 phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Hồng T số tiền nợ gốc 490.000.000 đồng. Ghi nhận việc bà T không yêu cầu tính lãi. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Dũng, bà Đào Thị Tuyết D1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị Hồng T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn T D, bà Đào Thị Tuyết D1 trả nợ vay. Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông D, bà D1 có nơi cư trú tại có sinh sống và đăng ký thường trú tại địa chỉ Số 678/2, ấp Phú Ngãi, xã Giao Long, tỉnh Vĩnh

Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5- Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo hòa giải nhiều lần cho bị đơn ông Nguyễn T D, bà Đào Thị Tuyết D1 để hòa giải với bà T, nhưng ông D, bà D1 vẫn vắng mặt không lý do, nên Tòa án đã tiến hành lập biên bản không hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt, căn cứ theo quy định Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà cho rằng thời gian từ năm 2017 đến năm 2018 ông Dũng, bà D1 có vay của bà T tổng cộng 4 lần, với tổng số tiền là 550.000.000 đồng. Chứng cứ để chứng minh là các tờ giấy mượn tiền đề ngày 01/12/2018, ngày 27/8/2017, ngày 10/10/2017, ngày 26/6/2018. Sau đó, ông D bà D1 có trả cho bà được 60 triệu đồng nợ gốc, còn nợ lại 490 triệu đồng.

Tại Tòa, bị đơn thừa nhận còn nợ và đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền vay còn lại là 490 triệu đồng. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, yêu cầu của bà T về việc buộc ông D, bà Tuyết D1 trả nợ số tiền 490 triệu đồng là có sở sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ghi nhận tự nguyện của bà Nguyễn Thị Hồng T không yêu cầu ông D, bà D1 trả lãi số tiền trên.

Về đề nghị trả dần số tiền trên: Xét thấy việc trả tiền vào thời điểm nào, quá trình thực hiện như thế nào là thuộc về giai đoạn thi hành án, nên Hội đồng xét xử không xem xét đối với đề nghị này của bị đơn.

[4] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 –Vĩnh Long về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T phù hợp với qaun điểm của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[5 Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận nên ông D, bà D1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền là 23.600.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 5, 68, 70, 71, 91, 228 và Điều Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T đối với ông Nguyễn Văn D, bà Đào Thị Tuyết D1.

Buộc ông Nguyễn Văn D, bà Đào Thị Tuyết D1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Hồng T số tiền 490.000.000 đồng (bốn trăm chín mươi triệu đồng)

Ghi nhận bà Nguyễn Thị Hồng T không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

2. Về án phí: ông Nguyễn Văn D, bà Đào Thị Tuyết D1 có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 23.600.000 đồng (hai mươi ba triệu sáu trăm ngàn đồng)

“Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 8, 34, 36, 71 và 72 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 5-Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Tuyết

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Ngọc Hồng

Võ Văn Tân

Hoàng Thị Tuyết

